La doctrine coloniale de la France[1]

(Une conférence de M. Albert Sarraut)

Cái chủ-nghĩa khai thuộc-địa của nước Pháp

(*Một bài diễn-thuyết của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư* SARRAUT)

V

La tradition coloniale française

La France aussi doit garder l'honneur de sa tradition.

Et sa grandeur et sa dignité souveraines, à travers les âges, sont de n'avoir jamais mesuré les dons de son génie au calcul des fermages qu'elle en pouvait retirer. De ses lèvres généreuses, le *sic vos non vobis* s'exhale toujours avec fierté, plutôt qu'en accents d'amertume ou de mélancolie. N'est-ce point sa gloire même de créer, partout où elle a passé, la force et la liberté des races ? Ne serait-ce donc rien que d'avoir modelé dans le limon obscur des humanités attardées, le visage lumineux et frémissant de nations nouvelles ? Serait-ce aussi un faible avantage que d'avoir créé outre-mer des Etats ou des Sociétés où persisteraient, élargissant leur influence chaque jour, la langue, la tradition, les leçons, le souvenir, l'âme même de la France ? Et ne serait-ce point encore pour la mère-patrie un enviable résultat que d'avoir ainsi noué, avec ses enfants adultes, par les liens durables de la gratitude et de l'intérêt, des rapports économiques et politiques dont la Métropole resterait le bénéficiaire privilégié, sans supporter les responsabilités d'autrefois ?

Cái đạo-thống về thuộc-địa của nước Pháp

Nước Pháp cũng phải giữ danh-dự cho cái đạo-thống của mình.

Đời nọ qua đời kia, cái danh-giá tuyệt-cao của nước Pháp là không hề bao giờ đem tài-trí của mình giúp cho người mà lại lấy cái lợi sở-đắc làm hạn-định. Nước Pháp thường vui-vẻ tự-cao mà đọc câu thơ của VIRGILE : « Thế ra công anh làm mà anh không được hưởng, » chứ không có ra giọng buồn-rầu than-thở vậy. Chẳng phải là cái vinh-dự nước Pháp đi đến đâu cũng gây cho các dân-tộc có sức mạnh, có tự-do dư ! Lấy những giống người còn kém-hèn như cái đất bùn còn tối-tăm mà nặn nên được cái mặt sáng-sủa những dân-tộc mới, há phải là một cái công không đâu dư ? Sáng-lập ra ở ngoại-dương những quốc-gia cùng xã-hội mà ngôn-ngữ tập-tục, lời giáo-huấn, sự kỷ-niệm, cả linh-hồn của nước Pháp nữa vẫn còn phảng-phất, mỗi ngày một ảnh-hưởng rộng ra, há phải là một cái công nhỏ hay sao ? Và cho dẫu các con-cái thuộc-địa đã đến tuổi khôn lớn dời với Mẫu-quốc mà cái giây ơn-nghĩa, cái giây lợi-quyền vẫn còn buộc với Mẫu-quốc một cách bền-chặt, trong đường giao-thiệp về kinh-tế, về chính-trị Mẫu-quốc vẫn được hưởng phần hơn mà không phải chịu trách-nhiệm như xưa, thời đó chẳng cũng còn là một cái lợi to cho Mẫu-quốc dư ?

(1) Voir N.-P. n° 75, 76, 77, 78.

De telle sorte que, même en allant jusqu'au dernier terme des éventualités que on peut conjecturer, tout nous conduit à ersévérer dans l'esprit et les accomplissements d'une politique coloniale où se réalise accord de l'intérêt et du devoir français.

De l'optimisme dont témoignent les déclarations que je produis devant vous, il ne faudrait pourtant point conclure que je puisse rester insensible à tels faits qui commencent de préoccuper le monde et indifférent aux devoirs que commandent ces faits aux nations qui ont à la fois la charge et la garde de la civilisation.

Les faits dont je parle ont trouvé leur formule dans cette expression d'un éminent écrivain américain, « *the rising tide of colours* », la marche montante des races de couleur, évoquant les graves problèmes que l'évolution de l'humanité proposera demain aux préoccupations de l'univers.

Ces problèmes, auxquels l'opinion publique de tous les pays n'est peut-être point encore assez attentive, sont mieux pressentis dans leur ampleur et leur gravité par ceux qui, du haut des observatoires dont les colonies jalonnent le vaste monde, suivent de près les mouvements qui agitent les multitudes humaines ; et leur méditation s'est fixée sur tels frémissements profonds qui parcourent en ondes insensiblement élargies, l'immense flot des races de couleur, marquant le réveil nouveau d'aspirations qui ne seraient point sans danger pour la civilisation européenne, le jour où elles coaliseraient encore les vieux fanatismes, les nationalismes ou les mysticismes contre les lumières venues de l'Occident.

Débordant le cadre de la vieille Europe, dont les conflits ou les jeux d'équilibre ont, dans le cours des siècles, concentré et absorbé l'activité politique de la planète et dominé l'action des autres races, la clairvoyance des hommes qui s'[illegible]utent profondément la face voilée de l'av[illegible]r a

Thành ra dẫu dự-tưởng cho đến cực-đoan, xét về phương-diện nào cũng thấy nên cứ kiên - tâm mà theo đuổi cái chủ-nghĩa, cái chính-sách thuộc-địa kia mà hai phần nghĩa-lợi của nước Pháp đều được vẹn-toàn cả.

Những lời tôi tuyên-bố ở trước ngài đây có cái ý-vị lạc-quan cả ; song cũng không nên nhân đó mà tưởng rằng tôi không quan-tâm tới mấy cái việc kia mà thế-giới đương bắt đầu chú-ý đến, không nghĩ-ngợi tới cái nghĩa-vụ của các nước có trách-nhiệm gìn-giữ cho cuộc văn-minh phải đối-phó với những việc ấy thế nào.

Những việc tôi vừa nói đó, có một nhà văn-sĩ trứ-danh nước Mĩ đã tóm lại một câu mà gọi là « cái nước trào những dân các sắc đương tiến lên », có ý nói sự tiến-hóa của nhân-loại sẽ bày cho thế-giới nhiều cái vấn-đề khó-khăn cần phải để tâm lo nghĩ.

Những vấn-đề ấy dư-luận các nước chưa để ý đến lắm ; các thuộc-địa vì như những cái đài quan-sát rải-rác khắp trên mặt đại-địa, người nào đứng ở đấy mà xem-xét thời mới biết được rõ những cái phong-trào nó lay-động các nhân-quần, và để tâm suy-nghĩ về mấy cái sóng ngầm kia dần dần truyền rộng ra khắp những dân-tộc các sắc, xúc - động những cái mối mơ-màng mong-mỏi, đến ngày nào mà kết-hợp với những cái lòng ham-mê về đạo, những cái dân-tộc-chủ-nghĩa cùng thần-bí - chủ - nghĩa để phản-đối với những sự sáng-láng của Tây-phương đem lại, thời không phải là không có nguy-hiểm cho văn-minh Âu-tây.

Từ xưa đến nay, đời nọ sang đời kia, chỉ có cõi Âu-châu già cũ kia là thu gồm lấy hết cái sức hoạt-động về chính-trị của hoàn-cầu, chấn-hám cả các dân-tộc khác ; ngày nay những người có trí sáng-suốt biết xét sâu đến cái bí-tàng của hậu-lai, đã vượt qua ra

commencé de conjecturer que les destinées du monde ne se joueront pas éternellement sur ce théâtre restreint et que le vaste mouvement de l'univers doit fatalement s'incorporer, pour le transformer à son tour, au rythme que la vie européenne lui a jusqu'ici imprimé. L'impulsion de civilisation sortie du foyer européen a préparé les voies à une sorte d'unité de la vie universelle. Je disais tout à l'heure que les distances immenses qui séparaient, en les protégeant, les races dissemblables, sont virtuellement supprimées par le développement des communications. Les peuples se sont rapprochés. Ils l'ont fait — chose remarquable — sur le terrain moral et politique, pendant cette longue guerre où les Alliés, je le répète, ont appelé à leurs côtés les fils de la race jaune, de la race brune, de la race noire.

Comment s'exprimera, et avec quels gestes, la pétition de ces races, demandant à intervenir au règlement des rythmes selon lesquels s'agencera la vie universelle, dans le respect des nationalités et le souci des droits de chacun à son plein épanouissement ? L'obligation des hommes conscients des évolutions de l'espèce humaine est de prévoir de ce côté toutes les conjonctures et de s'y préparer. L'action coloniale, à coup sûr, par les théâtres où elle s'exerce, au voisinage et au contact de toutes les races, est un moyen admirable de préparation, et elle peut déjà exercer sur la paix du monde et la sécurité du progrès humain une influence décisive, par l'effet des hautes disciplines morales qui doivent composer sa politique civilisatrice.

ngoài cái phạm-vi của Âu-châu, bắt đầu đoán biết trước rằng vận-mệnh thế-giới từ nay không phải chỉ khư-khư mãi ở trong cái vòng chật-hẹp đó nữa đâu, và cái phong-trào lớn của thế-giới tất phải sáp-nhập với cái điệu sinh-hoạt của Âu-châu từ xưa đến nay vẫn cầm nhịp cho cái phong-trào ấy, nhưng từ nay đến sau, phải tùy theo cái phong-trào ấy mà biến-thiên đi vậy. Cái luồng sóng văn-minh phát-khởi tự Âu-châu là nơi trung-tâm, rồi lan dần ra khắp thế-giới mà gây thành ra một cuộc sinh-hoạt đại-đồng. Lúc nãy tôi vừa nói rằng xưa kia các giống người khác nhau, đường đất xa-xôi bị cách-trở mà lại được phòng-bị lẫn nhau, nay thời cách giao-thông mỗi ngày một mở-mang, những sự cách-trở ấy không còn nữa. Các dân-tộc đã được gần-gụi nhau. Mà lạ thay, thân-cận nhau về đường tinh-thần, đường chính-trị giữa trong cuộc chiến-tranh vừa rồi là hồi các Đồng-minh gọi đến để giúp mình những con em các giống, giống vàng, giống tía, cùng giống đen.

Những dân-tộc ấy rồi sau này sẽ yêu-cầu một cách thế nào, cử-động ra thể làm sao để cho được can-thiệp đến cách điều-hòa những cái nhịp-điệu của sự sinh-hoạt trong Vạn-quốc thế nào cho hợp với cái dân-tộc-chủ-nghĩa và không trái với cái quyền-lợi của mỗi nước được hoàn-toàn phát-triển cái nhân-cách của mình ? Cái trách-nhiệm những người biết để ý đến mọi sự tiến-hóa của loài người là phải liệu trước đủ điều về phương-diện ấy và phải dự-bị sẵn. Sự hành-động về thuộc-địa, bởi cái trường-sở nó ở khắp mọi nơi, liên-tiếp với khắp các giống người, thật là một cách dự-bị rất tốt, và hiện nay nhờ những chủ-nghĩa cao-thượng của cái chính-sách khai-hóa, sự hành-động ấy đã có ảnh-hưởng đến cuộc hòa-bình trong thế-giới và sự tiến-hóa của loài người.

Mais pour que l'effet en soit à la fois efficace et salutaire, faut-il sans doute que tous les grands pays qui possèdent sur les divers points du globe, ces colonies, ces centres d'action, d'où doit rayonner la bonne discipline de l'influence civilisatrice sachent harmoniser et conjuguer leurs mouvements pour porter partout, du même geste, la preuve et le témoignage des bienfaits du génie occidental. Et lorsque, tout à l'heure, je parlais de l'esprit international que prennent désormais les questions coloniales, j'exprimais par voie de conséquence logique, l'utilité de la collaboration internationale pour dégager et unifier, si possible, les meilleures méthodes de colonisation. Les nations qui ont pris charge de grands domaines extérieurs sont unies par la solidarité profonde de la civilisation ; aucune d'elles ne saurait se réjouir des épreuves ou des insuccès du voisin ; car les répercussions de ces épreuves peuvent toujours dépasser le cadre du pays où elles se produisent et susciter chez le voisin lui-même le péril des contagions. Solidaires pour le salut de la civilisation dont nous représentons, nous Occidentaux, l'expression la plus haute, nous devons marquer cette solidarité de l'étude commune des moyens de garantir ce salut et de dresser plus haut chaque jour devant les races l'enseignement de cette civilisation qui travaille pour la meilleure humanité. Nous devons, en rapprochant nos labeurs, en mêlant nos efforts, en cherchant ensemble à sélectionner le meilleur de nos traditions et de nos expériences, affermir de toute notre force collective le prestige et l'autorité de cette morale internationale que nous proposons pour guide aux devenirs de l'humanité.

Il m'a semble que c'est à cette noble tâche que M. Franck nous convoit, au

Nhưng muốn cho cái ảnh-hưởng ấy vừa có công-hiệu và vừa được tốt lành thời ắt phải rằng những nước lớn có thuộc-địa ở các nơi trên mặt đất, có những chốn trung-tâm hành-động đó để truyền cái ảnh-hưởng văn-minh ra ngoài, nên đồng-tâm hiệp-lực với nhau để đi đến đâu nhất-cử nhất-động, cũng là phô-bày tỏ-rõ được cái ơn-huệ của tài-trí người Tây-phương. Như lúc nãy tôi nói rằng các vấn-đề thuộc-địa ngày nay có một cái tính-cách thuộc về quốc-tế, là tôi có ý nhân đó suy lẽ ra rằng các nước nên phải hiệp-lực để cùng nhau tập-hợp lấy những cái phương-pháp khai thuộc-địa rất hay và rất tốt. Phàm những nước đã chịu lấy cái trách-nhiệm quản-lý những cõi thuộc-địa lớn ở ngoại-dương, là đối với nhau có một cái tình liên-lạc sâu-xa về đường văn-hóa ; không nước nào thấy nước láng-giềng mình bị thất-bại mà nên mừng ; vì những sự thất-bại ấy có khi tràn qua cái phạm-vi những nơi nó phát-sinh ra mà lan sang cả nước láng-giềng như bệnh truyền-nhiễm vậy. Người Thái-Tây ta là đại-biểu cho các văn-minh rất cao ở đời nay, ta phải liên-lạc với nhau để mà hộ-vệ cho cái văn-minh ấy ; ta phải tỏ lòng liên-lạc ấy mà cùng nhau nghiên-cứu những phương-cách để hộ-vệ cho được vững-vàng và để đối với các dân-tộc tiêu-biểu càng ngày càng cao cái văn-minh kia đương gia-công làm cho nhân-loại được thêm tốt thêm hay lên. Ta phải cùng nhau hòa-hợp công-phu của ta, kén chọn những điều hay điều tốt trong tục-truyền và sự kinh-nghiệm của ta, đem cái thế-lực chung của ta mà củng-cố cho cái oai-quyền của cái « quốc-tế-luân-lý » kia mà ta rắp định đem làm hướng-đạo cho sự tiến-hóa của nhân-loại sau này.

Tôi xét ra quan Franck mời chúng ta đến đây buổi nay là thay mặt nước

nom de la Belgique, pour l'honneur et la sauvegarde de la civilisation. Et c'est pourquoi, si, pour sauver déjà l'avenir de cette civilisation, la Belgique a été aux côtés de la France, pour l'accomplissement d'une œuvre qui doit honorer et grandir l'humanité, la France est aujourd'hui comme elle y sera toujours, aux côtés de la Belgique.

ALBERT SARRAUT

Tỉ muốn rủ ta cùng mưu cái sự-nghiệp cao-thượng đó, để tỏ-rạng danh-dự của văn-minh và hộ-vệ cho cuộc văn-minh nữa. Bởi thế nên khi chiến-tranh để giữ cho sự tương-lai của cái văn-minh ấy, nước Tỉ đã sánh vai đề-huề với nước Pháp, thời ngày nay định thi-hành một cái công-nghiệp vẻ-vang danh-giá cho cả loài người, nước Pháp cũng vui lòng sánh vai đề-huề với nước Tỉ, không những bây giờ mà mãi mãi về sau này nữa.

L'Art aux Colonies

Mĩ-thuật ở thuộc-địa

Le Musée des arts décoratifs a ouvert pour quelque semaines, au Pavillon de Marsan, une curieuse exposition de l'art indigène dans les colonies françaises : rien de commun avec ce que nous verrons en 1925, sinon que ceci constitue en quelque sorte le prologue de cela, le point de départ dont on montrera tantôt l'aboutissement ; dans quelques trimestres, nous serons admis à constater les ressources d'art industriel que peuvent fournir nos colonies : à l'heure présente, on nous invite à regarder ce qu'elles donnaient avant notre venue ; par cette exposition rétrospective, on nous procure le premier élément d'une comparaison entre le passé et le présent des peuples colonisés par nous, et le moyen de décider si notre colonisation est ou n'est pas un bienfait, pour elles, pour nous, pour la collectivité humaine.

Ceux qui viendraient au Pavillon de Marsan pour y chercher des émotions esthétiques risqueraient un peu d'en revenir déçus ; en revanche, ceux qui se contentent de méditations philosophiques y trouveront

Viện bảo-tàng mĩ-nghệ mới mở trong mấy tuần-lễ ở quán *Marsan* một cuộc trần-liệt cũng lạ về mĩ-thuật của người bản-dân các thuộc-địa Pháp : cuộc này không giống với cuộc bác-lãm năm 1925 sau này, chẳng qua là khai mào cho cuộc sau này, chỉ cái chỗ khởi-điểm rồi sau này mới bày cái chỗ kết-quả ; cách đây mười lăm tháng nữa, ta sẽ được mục-kích những cái tài-sản về mĩ-nghệ của các thuộc-địa ta hiện có thể cung-cấp được ; ngay bây giờ thời người ta hẵng cho ta xem mĩ-nghệ các thuộc-địa trước khi người Âu-châu đến thế nào ; cuộc trần-liệt này là trần-liệt đồ cũ, khiến cho ta có cái đầu mối mà so-sánh cái quá-khứ với cái hiện-tại các dân-tộc ta khai-hóa, lại khiến cho ta có cách mà đoán-định rằng sự khai-hóa của ta là một sự hay hay là một sự không hay cho các thuộc-địa ta, cho ta và cho cả nhân-quần nữa.

Người nào đến quán *Marsan* mà tìm những mối mĩ-cảm lạ-lùng thời có lẽ phải thất-vọng mất ; trái lại, người nào chỉ muốn suy-nghĩ về triết-lý thời ở đây thật là có tài-liệu nhiều.

mple matière. Des races attardées sont là, ues et balbutiantes, exhibant leur âme rimitive et les rêves monstrueux qui la antent, inquiètes de quelque chose qui es dépasse et cependant immobilisées ans leur inquiétude ; on les sent qui ttendent et qui cherchent, sans même ressentir ce qu'elles voudraient ni ce qu'el- es espèrent ; et de les voir ainsi fixées, tables dans un état instable, on devine qu'elles attendraient encore pendant des izaines de siècles, si on ne venait à leur ide. Moins douées que les races blanches, t moins perfectibles, plusieurs de ces familles noires en sont toujours au stade que nous avons dépassé depuis des millénaires. A l'âge de la pierre polie, nous étions déjà plus affinés ; nos figurines de ce temps-là attestent la qualité supérieure de nos moyens. Mais voilà que brusquement, ces frères de cinq ou huit mille ans plus jeunes sont mis en présence des conquêtes obtenues par notre lent effort ; du même coup, ils sont mis en possession des ressources que ces conquêtes procurent, et mis en appétit des jouissances que promet un tel enrichissement. De l'âge des huttes, et sans avertissement préalable, ils sautent par dessus le temps pour retomber en plein siècle de la télégraphie sans fil, du cinéma, des avions et du suffrage universel.

Bond formidable, qui comporte une secousse adéquate. Reste à savoir si l'animal humain la peut supporter sans perdre l'équilibre ? Il serait logique d'en douter. Il y a là, semble-t-il, une infraction aux lois coutumières de l'évolution, et la raison ne saurait prévoir toutes les conséquences que réserve pour l'avenir cette violation des rites adoptés par la sage nat e. Au

Như trông thấy hiển-nhiên ở trước mắt những dân-tộc còn kém-cỏi, như mới bập-bẹ biết nói, phô-bày ra cho ta xem cái tâm-hồn mộc-mạc cùng những sự mơ-mộng gớm-ghê, tựa-hồ như lo-lắng đến một cái gì nó cao-siêu hơn mình mà lại bị ngưng-trệ trong sự lo-lắng đó ; xem hình như mong chờ ngóng đợi cái gì mà mơ-màng cũng chẳng hiểu rằng mong chi đợi chi ; trông thấy y-nhiên bất-dịch như thế ở giữa một cái tình-trạng biến-dịch mà đoán biết rằng vì không có ai đến giúp chắc còn ngóng đợi trong mấy mươi thế-kỷ nữa. Nhiều những dân-tộc giống da-đen đó, bẩm-thụ kém, cái sức tiến-hóa cũng kém các giống da trắng, hiện nay còn đương đứng vào cái trình-độ mà ta đã vượt qua mấy nghìn năm nay rồi. Về đời đá chuốt ta còn lọc-lõi hơn họ ; xem những cái hình-tượng về thời bây giờ, đủ biết cái cách chế-tạo của ta đã sành lắm. Nhưng nay đột-nhiên những dân đàn em còn kém ta đến năm bảy nghìn năm đó, được ra hưởng-thụ những cái công-cuộc mà ta đã khó-nhọc trong bao lâu mới làm nên ; nhất-đán được cầm trong tay những cái tài-sản mà ta khó-nhọc mới gây được, nhất-đán được phong-phú như ta và đã thấy ham muốn tọa-hưởng những cái của-cải đó. Đương đời ở lều ở túp mà hốt-nhiên không báo trước vượt qua thời-gian vào ngay giữa thời-đại vô-tuyến-điện, thời-đại chớp ảnh, tàu bay và phổ-thông-đầu-phiếu.

Nhẩy cũng bạo quá, tất không khỏi rung-động đến thần-kinh. Nay phải biết rằng sức con người ta có thể chịu được sự rung-động dữ như thế mà không choáng-váng không ? Điều đó đáng ngờ là phải. Vì đó có lẽ là một sự trái với luật thường của phép tiến-hóa, và cứ lẽ phải không thể dự-đoán được những sự xảy ra sau này bởi làm

surplus, il est bien évident qu'on ne saurait appliquer aux diverses colonies un régime uniqne d'éducation morale, sociale, ou artistique : car s'il en est plusieurs qui piétinent encore à leur point de départ, il en est d'autres dont le peuple a connu jadis une civilisation délicate, mais que les cataclysmes de l'Histoire ont arrêtée dans son développement. Si néanmoins, il existe une règle de conduite qui puisse être indistinctement applicable à des cas si disparates, c'est l'attentive prudence, la lenteur, la patience : et cet ensemble de vertus colonisatrices ne saurait être réalisé que par une vertu initiale, mère de toutes les autres : l'intelligente bonté.

Le colonisateur égoïste, qui ne pense qu'à ses intérêts propres, quand il s'impose par la force en un pays non capable de se défendre, réussira peut-être à attirer un bénéfice immédiat et personnel ; mais ultérieurement son geste risquera fort d'être néfaste, au point de vue humain. Celui qui colonise assume par ce seul fait un devoir philanthropique ; le souci d'améliorer le sort des humbles chez lesquels il s'installe doit être sa visée première, et son œuvre ne sera durable que si elle est à la fois bienfaisante pour deux, l'indigène et le colon.

Ces principes sont d'une morale si élémentaire que nul gouvernement n'aurait plus aujourd'hui le cynisme de les contester, même quand il s'abstient de les mettre en usage. Or, ce qui est vrai dans le domaine politique n'est-il pas vrai dans le domaine des arts ? Le même respect de l'homme et la même prudence s'imposent à nous, si nous voulons que l'art industriel de nos colonies fournisse le meilleur rendement.

trái cái luật phép khôn ngoan của tạo-vật. Vả lại có một điều hiển-nhiên, là không thể đem một cái phương-pháp giáo-dục về luân-lý, về xã-hội, về mĩ-thuật mà thi-hành cho khắp cả các thuộc-địa được. Vì tuy có nhiều thuộc-địa như bị ngưng-trệ ngay tự bước đầu không tiến lên được, nhưng lại có thuộc-địa khác người dân đã tới được một cái trình-độ văn-minh tinh-túy, chỉ vì gặp những cơ-hội không may trong lịch-sử nên không hết sức phát-đạt được mà thôi. Song vì có một cái phép-tắc chung có thể đem ra xử-trí cho cả các trường-hợp khác nhau như thế, thời cái phép-tắc đó phải là sự cẩn-thận, sự trì-trọng, sự kiên-nhẫn ; và bấy nhiêu cái đức-tính của người đi khai thuộc-địa phải gồm ở một cái đức-tính đầu hết cả : là lòng nhân-trí vậy, nghĩa là bụng nhân-từ mà có trí sáng-suốt vậy.

Kẻ khai thuộc-địa duy-kỷ, chỉ nghĩ đến lợi riêng của mình, đem cái võ-lực mà áp-chế một dân không đủ sức chống lại, thời có lẽ thu-hoạch được cái lợi nhỡn-tiền ngay thật ; nhưng xét về nhân-đạo, thời cái cách xử-trí như thế không khỏi có hại to. Người đi khai thuộc-địa là tiện-thị có một cái trách-nhiệm vị-tha ; mình đến ở những dân kém-cỏi hơn mình, điều thứ nhất là phải lo cho cái tình-cảnh người ta được tốt hơn lên, và sự-nghiệp mình có vừa lợi cả cho hai bên, cho người thổ-dân và cho người thực-dân, thời mới có thể lâu bền được.

Những điều đó là những điều luân-lý rất tầm-thường, ngày nay không có Chính-phủ nào dám cả gan mà không công-nhận, dẫu trong bụng không muốn thực-hành nữa mặc lòng. Nay về đường chính-trị đã cho thế là phải, về đường mĩ-thuật có lẽ nào lại không phải hay sao ? Nếu ta muốn công-nghệ của các thuộc-địa ta kết-quả được mĩ-mãn, phát-đạt được tốt-lành,

dement, et qu'il se développe à leur avantage aussi bien qu'à notre profit. L'exposition actuellement organisée au Pavillon de Marsan nous offre maintes indications de cette vérité. Pour ne prendre qu'un exemple, arrêtons-nous devant la section de l'Indochine.

Voilà des peuples qui, pendant des siècles, se sont éduqués et affinés jusqu'à trouver la formule définitive d'une esthétique qui est l'exacte traduction de leur psychologie ethnique ; chez eux comme chez nous, les goûts et les besoins, très différents des nôtres, avaient été, tout comme les nôtres, la résultante normale d'un organisme déterminé qui évolua et progressa dans un climat déterminé : l'organisme et le climat, n'étant point ceux d'ici, devaient logiquement se manifester par des œuvres qui différeraient des nôtres, aussi bien que diffèrent, ici et là-bas, les produits du sol : l'art est le fruit de l'homme.

En parfaite ignorance de notre civilisation, et parallèlement à nous, l'art populaire de cette race accumule le trésor d'un labeur homogène, dont la valeur réside en son homogénéité : il ne sera pour nous un apport de richesse neuve que si nous le respectons et le laissons intact. Nous n'en tirerons le maximum qu'à la condition de le maintenir autant que possible, et aussi longtemps que possible, en son état de pureté héréditaire et si nous craignons de le contaminer par l'intrusion de nos influences exotiques.

Etudions-le, et laissons ces hommes s'épanouir en lui ; alors ils nous apporteront des motifs d'inspiration dont l'industrie occidentale se pourra enrichir, comme il advint au dix-huitième siècle, quand nos marquises poudrées s'engouèrent de la Chine et du Japon : ce béguin qu'elles eurent alors pour le génie de l'Extrême-Orient favorisa notre alerte réaction contre les formules trop pompenses du siècle

vừa lợi cho thuộc-địa, vừa lợi cho ta, thời ta cũng phải một lòng tôn-trọng người ta và một lòng cẩn-thận như thế. Cuộc trần-liệt ở quán *Marsan* ngày nay đủ chứng rõ cái châu-lý đó. Muốn tìm một cái thí-dụ, hãng dừng chân lại ở khu Đông-Pháp.

Đó là những dân-tộc trong mấy mươi thế-kỷ đã từng đoàn-luyện tinh thần đến một bậc tinh-túy, sáng-tạo được một lối mĩ-thuật thật là diễn-tả được đúng cái tâm-lý của mình; họ cũng như ta, sự cần-dùng, cái sở-thích của họ tuy là khác hẳn với ta, mà cũng là kết-quả của một cái cơ-thể nhất-định, hành-động tiến-hóa ở trong một cái thủy-thổ nhất-định : cái cơ-thể kia với cái thủy-thổ nọ đã khác bên ta thời tất-nhiên phát-biểu ra những cái công-trình chế-tạo cũng khác của ta, tức như thổ-sản của người ta cũng khác với thổ-sản của bên ta : thật là người thế nào thời sinh-sản ra mĩ-thuật như thế.

Họ tuyệt-nhiên không biết cái văn-minh của ta mà đồng-thời với ta sản xuất được một lối phổ-thông-mĩ-thuật rất là thuần-túy, cái giá-trị là ở sự thuần-túy đó : ta có biết tôn-trọng lối mĩ-thuật ấy, biết để cho nó y-nhiên như cũ, thời nó mới bổ-ích cho ta như một cái của mới vậy. Ta có biết hết sức bảo-tồn lấy nó, giữ lấy cái bản-sắc thanh-tân của nó, đừng để cho những lối-lăng xa-lạ của ta ám-ảnh vào, thời ta mới mong thâu-thái được hết cái tinh-anh của nó.

Ta nên nghiên-cứu lối mĩ-thuật ấy, và để cho người họ tự-do phát-siển ra; có thế thời họ mới bày cho ta lắm cái mối sáng-ý lạ mà công-nghệ Tây-phương có thể lợi-dụng được, tức như về thế-kỷ thứ 18 kia, bấy giờ các bà hầu-tước-phu-nhân, phẩn son đầy mặt của ta thật là ham-mê đồ Tàu đồ Nhật quá : các bà sinh cái văn-hoa của Á-Đông thật đã giúp cho mĩ-thuật ta đời bấy giờ phần-

précédent, et ce fut un bien. Le même bienfait est possible aujourd'hui, et la France en pourrait recueillir le profit, puisqu'elle serait l'intermédiaire entre le commerce du monde et la formule rénovée.

Il est permis d'espérer cette conséquence; malheureusement, il n'est pas défendu d'en redouter une autre. *Chaque fois qu'un contact intime s'établit entre deux races différentes et d'âges différents, il y a entre elles deux une promesse et un danger, la même promesse et le même danger qu'on trouve dans le mariage : si l'accord s'établit entre les deux conjoints, la personnalité la plus forte risquera d'absorber la plus faible : résultat souhaitable pour la paix du ménage, mais dangereux en matière d'art, puisque le plus faible des deux va s'inoculer du plus fort, et perdre une bonne part de son autonomie. C'est chose bien certaine qu'une telle menace pèse sur l'Indochine. Ces peuples cultivés dans une atmosphère humide et chaude sont d'âme paresseuse, et consécutivement enclins à l'assimilation, puisque l'assimilation est une forme de la paresse. Ils n'échapperont guère à la tentation d'imiter ce qu'on leur montre, et c'est là un péril pour eux, alors que ce n'en est pas un pour nous. Leur art s'imprégnera du nôtre, et il en pâtira : cette banalité cosmopolite qui tend de jour en jour à unifier le monde et qui le rapetisse s'imposera doucement à eux, et ils se laisseront faire, avec complaisance ou*

đổi lại những cái lối uy-nghi trọng-thể quá của thế-kỷ trước, và đó là một sự hay cho ta. Sự hay đó ngày nay cũng có thể có được, và nước Pháp cũng có thể hưởng-thụ được, vì nếu mĩ-thuật Tây-phương mà nhờ đó hoán-cải đi thời nước Pháp sẽ làm tay môi-giới thông-truyền cho thế-giới vậy.

Ta có thể mong cái kết-quả được như thế; nhưng không may ra thời có thể xảy ra thế khác cũng nên. Mỗi khi hai giống người khác nhau, trình-độ không giống nhau, tiếp-xúc nhau một cách thân-mật, thời hai bên như có một lời ước với nhau và một sự nguy-hiểm cho nhau, cũng như hai vợ chồng trong cuộc hôn-nhân vậy: nếu hai bên hòa-thuận với nhau thời bên nào có nhân-cách mạnh-mẽ hơn, tất đến tiêu-hóa mất bên kém đi: đó là một sự hay cho cuộc hòa-mục trong gia-đình, nhưng mà về phương-diện mĩ-thuật thời là một sự nguy-hiểm, vì bên kém tất đồng-hóa sáp-nhập vào bên hơn và mất một phần to cái quyền tự-do độc-lập đi. Cõi Đông-Pháp đương ngập-ngập về sự nguy-hiểm đó, điều ấy chắc hẳn rồi. Những dân-tộc ấy sinh-trưởng ở trong một cái không-khí thấp-nhiệt, vốn tính biếng nhác, tức là có cái khuynh-hướng về sự đồng-hóa, vì sự đồng-hóa cũng là một cái trạng-thái của sự lười. Trông thấy cái gì người ta cho xem, không thể không tự-nhiên bắt-chước; đó là một cái nguy-hiểm cho họ, chứ không phải cái nguy-hiểm cho ta. Mĩ-thuật của họ sẽ nhiễm theo mĩ-thuật của ta, thế là hại cho họ; ngày nay thế-giới hình như đồng-hóa cả theo một cái tính-cách tầm-thường nó làm cho mọi sự thành ra nhỏ-nhen hết, cái tính-cách ấy họ cũng không khỏi nhiễm được; họ sẽ sẵn lòng, sẽ vui-vẻ mà để cho đồng-hóa dần dần: thế là một cái trạng-thái tinh-xảo của sự tư-tưởng loài

même avec joie ; une forme ingénieuse de la pensée humaine périra de lente anémie, et nous aurons tué la poule aux œufs d'or, sans le vouloir, sans le savoir,

Donc, sachons-le et prenons garde. Craignons de dévoyer ce génie, en l'incitant à nous satisfaire. Si nous demandons à ces artisans si artistes de nous fournir des tissus ou des meubles qui répondent à nos goûts et à nos habitudes, ils n'y réussiront que trop vite : grâce à la souplesse de leurs esprits et de leurs doigts, ils nous façonneront une pacotille pour bazars et magasins de nouveautés, dont quelques commerçants tireront bon profit, mais un peu de l'âme humaine et de ce qui l'ennoblit s'en ira, une fois de plus, évaporé dans le creuset des affaires et transmué en écus ; ce qui est toujours triste.

EDMOND HARAUCOURT

(*Reproduit par le* Courrier d'Haiphong *du 24 Janvier 1924*)

người ta sẽ dần dần tiêu mòn đi mất; ta sẽ vô-tình, vô-ý mà làm cho chết mất con gà mái có trứng vàng vậy.

Vậy ta phải biết thế và ta phải cẩn-thận giữ-gìn. Ta đừng nên khiến họ chiều ta mà làm cho sai-lạc mất cái tinh-thần của họ đi. Những tay thợ kia thật là những tay mĩ-thuật, ví ta bảo họ dệt những gấm vóc, chế những đồ-đạc cho hợp với thói quen và cái sở-thích của ta, thời họ làm được ngay ; nhờ có cái trí mềm-mại, cái tay dẻo-dang, họ chế ngay được một thứ đồ hàng bác-tạp để bày các sở « bada » hay các « cửa hàng đồ mới », mấy kẻ nhà buôn nhờ đó được phát-tài, nhưng mà một cái phần tinh-hoa văn-vẻ của linh-tính loài người sẽ vì đó mà tiêu mòn đi mất, như đem đồ vào cái lò con buôn mà biến thành ra tiền bạc hết cả ; mỗi khi như thế, thật là một mối thương-tâm vậy.

Dialogue d'un marchand d'almanachs et d'un passant

Lời vấn-đáp một người bán lịch với một khách qua đường

LE MARCHAND. — Almanchs, almanachs nouveaux ! Calendriers nouveaux ! En voulez-vous, monsieur, des almanachs ?

LE PASSANT. — Des almanachs pour l'année nouvelle ?

LE MARCHAND. — Oui, monsieur.

LE PASSANT. — Croyez-vous qu'elle sera heureuse, cette année nouvelle ?

LE MARCHAND. — Oh ! oui, monsieur, certainement.

LE PASSANT. — Comme celle qui s'achève ?

LE MARCHAND. — Beaucoup, beaucoup plus.

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Lịch mới ! Lịch mới ! Ai mua lịch mới ra nào ! Bẩm ngài có dùng lịch mới không ạ ?

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Lịch năm mới có phải không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài phải, ạ.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Bác nghĩ năm mới này có được sung-sướng không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài có, chắc hẳn chứ.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Cũng bằng năm cũ đương qua này nhé ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Hơn chứ, hơn nhiều chứ.

LE PASSANT. — Comme la précédente ?

LE MARCHAND. — Beaucoup plus, monsieur.

LE PASSANT. — Comme quelle autre, alors ? Ne vous plairait-il pas que l'année prochaine ressemblât à quelqu'une de ces dernières années ?

LE MARCHAND. — Non, monsieur, non, cela ne me plairait guère.

LE PASSANT. — Combien d'années nouvelles avez-vous vues passer depuis que vous vendez des almanachs ?

LE MARCHAND. — Il y en aura bientôt vingt, monsieur.

LE PASSANT. — A laquelle de ces vingt années voudriez-vous que ressemblât l'année qui vient ?

LE MARCHAND. — Moi ? Je ne sais pas.

LE PASSANT. — Vous ne vous souvenez d'aucune année qui vous ait paru particulièrement heureuse ?

LE MARCHAND. — Ma foi non, monsieur.

LE PASSANT. — Et pourtant la vie est une bonne chose, n'est-ce-pas ?

LE MARCHAND. — Chacun sait cela.

LE PASSANT. — Ne voudriez-vous pas revivre ces vingt années, et même toutes celles qui se sont écoulées depuis votre naissance ?

LE MARCHAND. — Eh ! mon cher monsieur, plût à Dieu que cela fût possible !

LE PASSANT. — Mais si vous aviez à revivre la vie que vous avez vécue, ni plus ni moins, avec les mêmes plaisirs, les mêmes ennuis ?

LE MARCHAND. — Oh ! cela, non, par exemple !

LE PASSANT. — Et quelle autre vie voudriez-vous revivre ? la mienne, celle d'un prince ou celle d'un autre ? Ne pensez-vous pas que moi, le prince

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Hay là bằng năm trước, nhé ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài, hơn nhiều chứ.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Thế thì bằng năm nào vậy ? Bác có ước-ao cho năm sau này cũng bằng một năm nào đã qua rồi không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài không, con không ước thế.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Từ khi bác bán lịch đến giờ, bác đã trải qua bao nhiêu năm mới rồi ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài, sẽ được hai-mươi năm sắp tới đây.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Bác muốn cho năm mới này giống năm nào trong hai-mươi năm ấy ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm, con ấy à ? Con cũng không biết.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Bác không nhớ được một năm nào thật là sung-sướng à ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài, con thật không nhớ.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Tuy vậy, đời người cũng là một sự hay chứ, có phải không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Ai ai cũng biết thế.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Nay bác có muốn trải qua lại cả hai-mươi năm ấy và cả những năm đã qua từ khi bác sinh ra đời đến giờ không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài, sự đó làm sao được !

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Nhưng giả-sử phải trải lại cả cái cuộc đời bác đã qua, không hơn không kém, cũng bấy nhiêu cái sướng, bấy nhiêu cái khổ, bác có muốn không ?

NGƯỜI BÁN LỊCH. — À ! cái đó thì không hẳn !

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Thế thì bác muốn trải lại cuộc đời như thế nào ? Như đời tôi đây, như đời một ông vua ông chúa, hay đời một người nào khác ?

ou tout autre, nous répondrions précisément comme vous, et ne craignez-vous pas qu'ayant à recommencer la même vie, personne n'y consente ?

Le Marchand. — En effet, je le crains bien.

Le Passant. — Ainsi, à cette condition, vous ne recommenceriez pas, même au cas où cela ne serait pas possible autrement ?

Le Marchand. — Non, Monsieur, non vraiment, je ne recommencerais pas.

Le Passant. — Quelle vie voudriez-vous donc ?

Le Marchand. — Je voudrais *une vie comme ça*, telle que Dieu me l'accorderait sans autres conditions.

Le Passant. — Une vie au hasard, dont on ne saurait rien d'avance, comme l'année qui vient ?

Le Marchand. — Justement.

Le Passant. — C'est ce que je voudrais aussi, si j'avais à revivre ; c'est ce que voudrait tout le monde. Mais cela veut dire que jusqu'à ce jour le destin nous a tous mal traités. Et l'on voit clairement que chacun est d'avis que la somme du mal a été pour lui plus grande que celle du bien, puisque personne ne consentirait à naître une seconde fois à condition de recommencer la même vie d'auparavant avec tous ses biens et tous ses maux. Cette vie qu'on déclare bonne, ce n'est pas celle que l'on connaît, mais celle que l'on ne connaît pas ; ce n'est pas la vie passée, c'est la vie à venir. Avec l'année nouvelle, le destin va enfin nous traiter favorablement, vous et moi, tout le monde, et ce sera le commencement de la vie heureuse. N'est-il pas vrai ?

Le Marchand. — Espérons-le.

Bác có nghĩ rằng tôi đây, ông vua ông chúa hay người nào khác nữa, ai cũng đến trả lời như bác, và ví phải trải lại cái cuộc đời đã qua thời e rằng không ai thuận không ?

Người bán lịch. — Thật thế, tôi cũng e như thế.

Khách qua đường. — Vậy cứ như thế là bác không chịu bắt đầu lại, dù không có cách gì làm khác nữa mặc lòng ?

Người bán lịch. — Bẩm ngài không, con quyết không chịu bắt đầu lại như thế.

Khách qua đường. — Vậy thời bác muốn cái đời như thế nào ?

Người bán lịch. — Xin tùy Thượng-đế cho thế nào được như thế, không biết thế nào được.

Khách qua đường. — Nghĩa là mặc may mặc rủi, không biết trước được, như cái năm sắp tới đây, có phải không ?

Người bán lịch. — Chính thế.

Khách qua đường. — Tôi cũng thế, ví có phải sống lại, tôi cũng muốn như thế ; cả thiên-hạ ai ai cũng muốn như thế. Nhưng mà thế nghĩa là từ xưa đến nay cái vận-mệnh nó đã bạc-đãi chúng ta hết cả. Xem đó thời biết rõ là ai cũng đồng-ý rằng cộng cả cái khổ với cái sướng, cái khổ bao giờ cũng nhiều hơn, vì nếu phải trải lại một lần nữa cái cuộc đời đã qua gồm cả bấy nhiêu cái sướng cái khổ như trước, thời không ai chịu cả. Cái đời cho là hay không phải là cái đời mình đã biết, chính là cái đời mình chưa biết ; không phải là cái đời đã qua, chính là cái đời sắp tới. Đến năm mới này, có lẽ cái vận-mệnh nó sẽ đãi chúng ta tốt hơn, bác với tôi, cùng cả thiên-hạ nữa, vì từ nay sẽ bắt đầu một cuộc đời sung-sướng cho chúng ta đây. Có phải thế không ?

Người bán lịch. — Nên mong được như thế.

LE PASSANT. — Montrez-moi donc votre plus bel almanach.

LE MARCHAND. — Voici, monsieur. Celui-ci vaut trente sous.

LE PASSANT. — Voici trente sous.

LE MARCHAND. — Merci, monsieur. Au revoir. Almanachs, almanachs nouveaux ! Calendriers nouveaux !

LÉOPARDI

(*Traduction* VICTOR ORBAN, LOUIS MICHAUD, *éditeur*)

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Nào, thế bác cho tôi xem quyển lịch nào đẹp nhất nào.

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Bẩm ngài, đây. Quyển này giá ba hào.

KHÁCH QUA ĐƯỜNG. — Này ba hào.

NGƯỜI BÁN LỊCH. — Cám ơn ngài. Bẩm, con xin chào ngài. Lịch mới ! Lịch mới ! ai mua lịch mới ra nào. (1)

L'Esprit français

Jugé par les grands écrivains français

(Tinh-thần nước Pháp do các tay danh-sĩ Pháp bình-phẩm

Le Génie naturel de la nation française

S'il y avait dans le monde une nation qui eût une humeur sociable, une ouverture de cœur, une joie dans la vie, un goût, une facilité à communiquer ses pensées ; qui fût vive, agréable, enjouée, quelquefois imprudente, souvent indiscrète et qui eût avec cela du courage, de la générosité, de la franchise, un certain point d'honneur, il ne faudrait point chercher à gêner par des lois ses manières, pour ne point gêner ses vertus. Si en général le caractère est bon, qu'importe de quelques défauts qui s'y trouvent ?

On y pourrait contenir les femmes, faire des lois pour corriger leurs mœurs, et borner leur luxe : mais qui sait si on n'y perdrait pas un certain goût qui serait la source des richesses de la nation, et une politesse qui attire chez elle les étrangers ?

Cái tinh-thần tự-nhiên của quốc-dân Pháp

Trong thế-giới vi có một nước có tính xum-vầy, có bụng rộng-rãi, biết ăn-ở vui-vẻ, hay thích bày tỏ cái bụng nghĩ của mình cho người biết, nhanh-nhẩu, tươi-tắn, cũng có khi lơ-đễnh mà thường lắm lúc bộp-chộp, nhưng mà có can-đảm, có độ-lượng, có bụng thật-thà, biết trọng danh-dự ; đối với một nước như thế thì không nên đem pháp-luật mà ngăn-trở cái phong-thói của người ta, để khỏi ngăn-trở đến những cái đức hay tính tốt của người ta. Nếu đại-đề cái căn-tính tốt thời dẫu có một vài cái thói xấu cũng không hại gì.

Thí-dụ như có thể đặt luật-lệ để giữ-gìn người đàn-bà, sửa đổi cái phong-thói của họ, hạn-chế cái cách xa-xỉ của họ ; nhưng biết đâu làm như thế lại không làm cho mất cái tính hào-hoa kia nó là một cái nguồn lợi-lộc cho nước, mất cái tính phong-nhã kia nó làm cho kẻ ngoại-quốc thường vãng-lai quyến-luyến ?

(1) Bài văn này của ông LÉOPARDI, văn-sĩ và thi-sĩ nước Ý-đại-lợi (1798-1837), là một tay lãnh-tụ về phái yếm-thế.

(2) Extrait de : *Qu'est-ce que l'Esprit français ? Vingt définitions choisies et annotées* par C. BOUGLÉ et P. CASTINEL (Garnier frères, éditeurs).

C'est au législateur à suivre l'esprit de la nation lorqu'il n'est pas contraire aux principes du gouvernement ; car nous ne faisons rien de mieux que ce que nous faisons librement et en suivant notre génie naturel.

Qu'on donne un esprit de pédanterie à une nation naturellement gaie, l'Etat n'y gagnera rien ni pour le dedans ni pour le dehors. *Laissez-lui faire les choses frivoles sérieusement, et gaiement les choses sérieuses.*

MONTESQUIEU
(*L'Esprit des Lois*)

. . .

La langue française et l'esprit français.

. . . Ce qui distingue notre langue des langues anciennes et modernes, c'est l'ordre de la construction de la phrase. Cet ordre doit toujours être direct et nécessairement clair. Le français nomme d'abord le sujet du discours, ensuite le verbe qui est l'action, et enfin l'objet de cette action : voilà la logique naturelle à tous les hommes ; voilà ce qui constitue le sens commun. Or, cet ordre si favorable, si nécessaire au raisonnement, est presque toujours contraire aux sensations, qui nomment le premier l'objet qui frappe le premier : c'est pourquoi tous les peuples, abandonnant l'ordre direct, ont eu recours aux tournures plus ou moins hardies, selon que leurs sensations ou l'harmonie l'exigeaient ; et l'inversion a prévalu sur la terre, parce que l'homme est plus généralement gouverné par les passions que par la raison.

Le français, par un privilège unique, est seul resté fidèle à l'ordre direct, comme s'il était tout raison ; et on a beau, par les mouvements les plus variés et toutes les ressources du style, déguiser cet ordre, il faut toujours qu'il existe : et c'est en vain que les passions nous bouleversent et nous

Khi nào cái tinh-thần một nước không trái với phép chính-trị thời nhà lập-pháp phải nên châm-chước mà tùy theo ; vì người ta phàm làm gì có được quyền tự-do và theo cái thiên-tính tự-nhiên thời làm mới hay được.

Một nước vốn tính khoái-hoạt mà đem truyền cho một cái tính câu-chấp, thời về bề trong cũng như về bề ngoài quốc-gia chẳng được lợi gì. Người nước ấy, nên cứ để cho họ làm chuyện chơi-bời một cách đứng-đắn mà làm chuyện đứng-đắn một cách vui chơi.

* * *

Tiếng nói nước Pháp với trí-tuệ người Pháp

. . . Tiếng nước Pháp đặc-biệt với các tiếng cổ kim là bởi cái thứ-tự cách trong đặt câu. Thứ-tự ấy bao giờ cũng phải trực-tiếp và tất là phải rõ-ràng. Trong một câu bao giờ cũng đặt cái tiếng làm chủ câu trước, rồi đến tiếng *động-từ* chỉ sự hành-động, rồi mới đến tiếng chỉ cái việc hành-động : đó là cái cách lý-luận tự-nhiên của mọi người ; đó là cái chính-lý thông-thường của mọi người. Nay xét ra cái thứ-tự đó vừa cần vừa thuận cho cách lý-luận, thường lại trái với sự cảm-giác, vì cảm-giác thì bao giờ cũng cảm cái sự-vật trước nhất : bởi thế nên dân nào cũng vậy, không dùng cái thứ-tự trực-tiếp mà dùng những cái cú-điệu khuất-khúc, tùy sự cảm-giác hay cái âm-vận nó bắt-buộc ; thành ra trên mặt đất này lối đặt câu ngược lại thông-dụng, vì rằng người ta thường bị những mối thất-tình hơn là được cái chính-lý nó chế-ngự.

Duy có tiếng Pháp là có cái đặc-quyền độc-nhất giữ được đúng cái thứ-tự trực-tiếp, tựa-hồ như tiếng pháp là thuần lý vậy ; trong khi làm văn có thể dùng đủ lối đủ cách để ẩn cái thứ-tự ấy đi, nhưng bao giờ cũng phải có nó mới được ; dầu thất-tình

sollicitent de suivre l'ordre des sensations ; la syntaxe française est incorruptible. C'est de là que résulte cette admirable clarté, base éternelle de notre langue. *Ce qui n'est pas clair n'est pas français* ; ce qui n'est par clair est encore anglais, italien, grec ou latin. Pour apprendre les langues à inversions, il suffit de connaître les mots et les régimes ; pour apprendre la langue française, il faut encore retenir l'arrangement des mots. On dirait que c'est d'une géométrie toute élémentaire, de la simple ligne droite, que s'est formée la langue française ; et que ce sont les courbes et leurs variétés infinies qui ont présidé aux langues grecque et latine. La nôtre, règle et conduit la pensée ; celles-là se précipitent et s'égarent avec elle dans le labyrinthe des sensations, et suivent tous les caprices de l'harmonie : aussi furent-elles merveilleuses pour les oracles, et la nôtre les eût absolument décriés.

. . . Si on ne lui trouve pas les diminutifs et les mignardises de la langue italienne, son allure est plus mâle. *Dégagée de tous les protocoles que la bassesse inventa pour la vanité et la faiblesse pour le pouvoir, elle en est plus faite pour la conversation, lien des hommes et charme de tous les âges ; et puisqu'il faut le dire, elle est de toutes les langues la seule qui ait une probité attachée à son génie. Sûre, sociable et raisonnable, ce n'est plus la langue française, c'est la langue humaine...*

RIVAROL

(Mémoire sur l'universalité de la langue française)

làm cho ta xiêu lòng rối trí, cám-dỗ ta phải theo cái thứ-tự của sự cảm-giác mặc lòng, cái cú-pháp của tiếng Pháp không tài nào làm cho đảo-ngược được. Bởi đó cho nên tiếng Pháp có cái tính-cách sáng-sủa lạ-lùng, cái tính-cách ấy là cái gốc thiên-niên của tiếng Pháp vậy. Cái gì nói không rõ-ràng không phải là tiếng Pháp; cái gì nói không rõ-ràng còn có thể là tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Hi-lạp hay tiếng La-mã được. Muốn học những tiếng cú-pháp đảo-ngược, thời biết tiếng một và biết các tiếng một quan-hệ nhau thế nào là đủ ; học tiếng Pháp thời lại phải biết cái cách sắp-đặt tiếng nữa. Tiếng Pháp tựa-hồ như một con đường thẳng, mà tiếng Hi-lạp với tiếng La-mã là những con đường khuất-khúc cả. Tiếng Pháp thời làm khuôn-phép, làm hướng-đạo cho sự tư-tưởng; còn những tiếng kia thời đem cái tư-tưởng mà chạy bông-lông theo sự cảm-giác, theo cái âm-điệu thấp cao : bởi thế nên những thứ tiếng kia tài biên chép những câu sấm-bói, mà tiếng nước Pháp thời không thể nào dung được những cách nói mập-mờ như thế.

. . . Tiếng Pháp dẫu không có những cái vẻ xinh-sảu mĩ-miều của tiếng Ý, mà có cái dáng dõng-dạt hơn. Tiếng Pháp không có những cái thể-cách tôn-ti cách-biệt của kẻ hèn đặt ra để nịnh kẻ sang, kẻ yếu đặt ra để nịnh kẻ có quyền-thế ; tiếng Pháp là một thứ tiếng để dùng trong cuộc nói chuyện, mà câu chuyện là cái giây liên-lạc của người ta, cái thú phong-nhã của mọi tuổi. Xin nói tóm lại một câu : nội các thứ tiếng, duy có tiếng Pháp là có cái tính thành-thực tự bởi cái tinh-thần tự-nhiên mà ra. Chắc-chắn, nhã-nhặn, phải-chẳng, không phải là tiếng của một nước Pháp, chính là tiếng của cả loài người vậy. . .

Roland Dorgelès

Le romancier français ROLAND DORGELÈS, *auteur des* Croix de bois, *de* Saint Magloire *et du* Réveil des morts, *est en ce moment l'hôte de l'Indochine. Nous reproduisons ci-après un article que lui a consacré M.* FRANÇOIS DE TESSAN, *le publiciste bien connu, dans* l'Impartial *de Saigon, en recommandant à nos compatriotes la lecture de ces trois œuvres maîtresses qui représentent si bien la nouvelle littérature française d'après-guerre.*

N.-P.

* * *

Je ne crois pas qu'il y ait, dans la génération des écrivains révélés par la guerre, un nom plus populaire que celui de Roland Dorgelès. A peine l'avez vous prononcé que chacun s'écrie : « Dorgelès, l'auteur des *Croix de Bois*. Mon Dieu, comme il nous a émus ! » Ce simple jugement en dit long. L'homme qui a su peindre le sentiment réel des combattants, qui a si bien interprété leurs états d'âme, qui a eu le talent de nous découvrir leur sensibilité, cet homme-là caractérise bien une époque et représente bien l'âme des Français qui ont connu les affres de la guerre.

Il en a parlé sans ce lyrisme menteur, qui plaît à certains nationalistes, et sans ce réalisme brutal, qui plaît aux humanitaires outranciers. Il est resté dans la note juste. L'on ne trouve, chez Dorgelès, ni ces tirades sentimentales qui agacent les hommes d'action, ni ces philosophades pessimistes qui plaisent aux timorés. Il a peint les grandeurs et les misères des héros de la tranchée avec une psychologie aussi pénétrante qu'indulgente. Son livre a l'accent de la vérité, et c'est pour cela qu'il plaît tant à la foule des lecteurs toujours épris de mesure et de notations justes.

Barbusse, dans *Le Feu*, nous a certes donné des pages poignantes et, à certains égards, exactes. Il a décrit la monotonie de la campagne en Artois et reflété dans son œuvre l'angoisse des journées cruelles. Il a montré par mille et un détails les souffrances endurées par le fantassin. Il a dit les épreuves subies sous la pluie et la mitraille, les travaux obscurs, les sacrifices sanglants. Mais, chez cet auteur, on ne trouve jamais la contre-partie de ces heures terribles. Jamais un mot d'espérance, jamais un sursaut de gloire, jamais un sourire au milieu des larmes ! Il n'a aperçu qu'un coin de l'immense champ de bataille et, dans ce coin, une pauvre escouade abandonnée à toutes les vicissitudes de son malheureux sort.

Au contraire, Roland Dorgelès a eu le mérite de nous montrer les alternatives de joie et de désespérance qui agitaient le cœur des soldats. Il nous les a présentés avec leurs éclairs de gaîté, leurs emballements soudains, leurs découragements et leurs sublimes efforts en face de la mort. Il a fixé, en des chapitres saisissants, les tumultueux mouvements qui les secouaient tour à tour. Qu'il nous les montre au cantonnement s'amusant des riens qui les égayaient ou bien à l'instant de l'attaque, quand les mains se crispaient au fusil, il a toujours exposé avec une parfaite lucidité tout ce qui se passait en eux.

Aucun regard de leurs yeux terrifiés ou rasserénés ne lui a échappé. Aucun geste grandiose, de même qu'aucune défaillance intime, qu'il n'ait scruté, analysé, expliqué. C'est en cela que Dorgelès a surpassé tous ceux qui ont tenté de nous traduire la mentalité de la troupe devant l'ennemi. C'est pour cela que son œuvre est si appréciée de tous. C'est pour cela

qu'elle demeurera dans notre littérature comme le chef-d'œuvre de la guerre.

Mais Roland Dorgelès ne s'en est pas tenu là. Il n'a pas voulu que sa réputation fût uniquement celle d'un écrivain combattant. Il a refusé de se contenter d'un succès qui eût suffi à tant d'autres. Il n'aime point les solutions paresseuses et il a tenu à exercer sa générosité en s'attaquant à des sujets tout à fait nouveaux. C'est pourquoi il a publié ce livre d'une inspiration très différente et d'une originalité non moins éclatante : *Saint Magloire*. Là, toutes ses critiques contre une société imparfaite s'étalent à plaisir En mettant en scène un saint laïque qui cherche à réformer le monde, Dorgelès a exprimé tout son idéalisme et a exhalé toute l'amertume que lui causent les abus dont il est le témoin.

Les diatribes de Saint Magloire s'adresse directement à nos contemporains. Ses révoltes contre un grossier matérialisme, ses appels à la fraternité des hommes, ses luttes contre l'égoïsme d'une majorité veule, tout cela, ce sont les propres pensées de Roland Dorgelés. Son évangéliste a la même ardeur que lui quand il s'agit de défendre les opprimés. Il a les mêmes indignations spirituelles devant l'âpreté des privilégiés. C'est une œuvre très forte que *Saint Magloire*, une œuvre où abondent les descriptions de foules, où l'on sent vibrer les colères du peuple, où se retrouve tout l'art de Dorgelès pour animer les vastes assemblées subissant des remous complexes.

De même, que d'observations précises et aigües dans le *Réveil des Morts*, roman de l'après-guerre, où tous les épisodes de la reconstruction des régions dévastées défilent sous les yeux comme un film puissamment satirique ! Roland Dorgelès n'a pas moins minutieusement décrit la vie des pauvres habitants du Nord dans les ruines, leurs déceptions, leurs luttes avec l'administration, leurs conflits avec tous les aventuriers, les hommes d'affaires et les mercantis, qu'il n'avait précédemment évoqué les combattants aux prises avec les Allemands sur ces mêmes terrains. La seule partie documentaire du *Réveil des Morts* — en dehors d'une intrigue au plus haut point émouvante — mérite qu'on garde cet ouvrage pour le consulter sur les mœurs de la zône rouge et sur une période caractéristique de la résurrection française. La fiction, chez Roland Dorgelès, habille toujours des thèses morales et sert constamment à nous présenter des réalités typiques.

Le romancier a commencé par être journaliste Il s'en souvient. Il a été à la bonne école, une école de curiosité insatiable, une école où l'on regarde la vie sous toutes ses faces pour lui arracher ses secrets quotidiens. Le voici maintenant en Indochine Vous pouvez être certains que Roland Dorgelès en rapportera une précieuse documentation. Je crois n'être point étranger à cette visite.

— Va là-bas, lui ai-je dit, et tu verras une humanité nouvelle. Tu élargiras ton horizon. Tu saisiras mieux le rôle magnifique de notre pays. L'Asie t'imprégnera d'une philosophie encore plus haute et tes yeux seront émerveillés par des beautés qu'il est impossible de négliger. Va dans ce monde en éveil qui, demain, deviendra le centre des autres mondes. Tu trouveras des sujets multiples pour satisfaire ta soif de connaître et pour exercer ton talent. Naguère, les bons ouvriers devaient faire leur tour de France et à petites journées, un ballot sur le dos, ils allaient de ville en ville. Aujourd'hui, un grand ouvrier des lettres ne saurait se contenter des perspectives nationales. Il lui est nécessaire de faire son tour du monde et de rapporter une ample moisson d'impressions...

Voilà les conseils que j'ai donnés à Roland Dorgelès auquel m'unit une fraternelle amitié. Je suis sûr qu'il ne se repentira jamais de m'avoir écouté et que l'accueil qu'il recevra en Indochine lui fera aimer notre France d'Asie, non pas un peu ou beaucoup, mais passionnément !

François de Tessan.

(De l'*Impartial* de Saigon, reproduit par l'*Indépendance Tonkinoise* du 1er décembre 1923).

Morceaux choisis français

Traduits en Annami e

(Dịch thơ văn Tây)

L'enfant et le miroir

Un enfant, élevé dans un pauvre village,
Revint chez ses parents, et fut surpris d'y voir,
Un miroir.
D'abord il aima son image ;
Et puis, par un travers bien digne d'un enfant,
Et même d'un être plus grand,
Il veut outrager ce qu'il aime,
Lui fait une grimace, et le miroir la rend.
Alors son dépit est extrême :
Il lui montre un poing menaçant ;
Il se voit menacé de même.
Notre marmot fâché s'en vient, en frémissant,
Battre cette image insolente ;
Il se fait mal aux mains. Sa colère en augmente,
Et, furieux, au désespoir,
Le voilà, devant ce miroir,
Criant, pleurant, frappant la glace.
Sa mère, qui survient, le console, l'embrasse,
Tarit ses pleurs, et doucement lui dit :
« N'as-tu pas commencé à faire la grimace,
A ce méchant enfant qui cause ton dépit ?
— Oui. — Regarde à présent : tu souris, il sourit ;
Tu tends vers lui les bras, il te les tend de même ;
Tu n'es plus en colère, il ne se fâche plus.
De la société tu vois ici l'emblème :
Le bien, le mal nous sont rendus. »

FLORIAN

Cậu bé và cái gương

Một cậu bé ở nơi thôn-ổ,
Nhà vú nuôi nghèo khổ có chi.
Về nhà cha mẹ một khi,
Thấy gương ngơ-ngác vật gì chẳng hay.
Thoạt trông bóng yêu ngay lập-tức,
Được ít lâu đã chực hành-hung.
Rõ là cái thói nhi-đồng,
Có khi cũng cả thói ông lớn đầu.
Trông thấy bóng mày cau mặt nạt,
Bóng cau mày nhăn mặt nát luôn.
Cậu ta tím ruột tím gan,
Bèn giơ quả thủ đã toan bịch liền.
Cũng thấy bóng giơ lên quả thủ ;
Cậu bé ta giận-dữ tưng-bừng.
Bóng đâu hỗn láo khôn dung !
Giơ tay nện bóng, bóng không thấy chừa.
Cái tức cậu bấy giờ gấp bội,
Nỗi tam-bành như dại như ngây.
Cậu ta đứng trước gương này,
Vừa kêu vừa khóc lấy tay đập hoài.
Mẹ cậu ở bên ngoài nghe thấy,
Vội-vàng vào ôm lấy cậu ta.
Ngọt-ngào yên-ủy dần-dà,
Hôn rồi, nước mắt lau qua bỏi rằng :
« Con căm tức cái thằng gianh nọ,
Thế đầu tiên có dọa nó chăng ? »
Thưa rằng : « Con có hung-hăng. »
— Giờ con hãy thử nom trong kia kìa.
Con trông bóng mỉm cười vui-vẻ ;
Bóng nhìn con cũng hé môi cười.
Giơ tay ẵm bóng mà coi ;
Bóng kia nó cũng giơ đôi tay mà.
Con hết giận bóng đà hết giận.
Cứ nhìn đây mà nhận sự đời :
Thiện giả thiện báo hẳn-hoi ;
Ác giả ác báo rõ mười không sai.

VŨ VĂN - LỄ
Giáo-học trường Trung-Pháp Vân-nam
dịch